TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2025/DS-ST
Ngày: 05 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Thanh Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Toà án nhân Khu vực 10 - Thanh Hoá.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã KT, tỉnh TH.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị NL - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố NS, xã NL, tỉnh TH.

Tại phiên toà có mặt chị H, vắng mặt chị L. Chị Lê Thị NL vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 02/3/2022 chị Lê Thị NL có vay của chị số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) mục đích vay để đảo hạn ngân hàng, chị L hẹn đến ngày 02/5/2022 sẽ trả đủ cho chị số tiền trên. Đến ngày 02/12/2022 chị L vay thêm 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng), chị L hẹn đến ngày 25/12/2022 sẽ trả hết số tiền đã vay. Cả hai lần vay trên lãi suất đều do hai bên tự thỏa thuận nên không ghi vào giấy nợ. Khi đến hạn trả nợ chị đã hỏi nhiều lần nhưng chị L không trả mà cứ khất đi khất lại và không có thiện chí trả nợ.

Nay chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Lê Thị NL phải trả cho chị tổng số tiền vay của cả hai lần là: 109.000.000đ *(Một trăm lẻ chín triệu đồng)* chị không yêu cầu chị L phải trả lãi đối với số tiền trên.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị NL trình bày: Ngày 02/12/2022 chị có vay của anh Bùi Tố U (chồng chị H) số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất 30000đ/ngày để đảo hạn ngân hàng giấy vay nợ do chị H đứng tên cho vay, chị có để lại một bìa đất mang tên Nguyễn Hồng N và Lê Thị NL, chị hẹn trong vòng 20 ngày sẽ thanh toán, chị trả lãi trước 20 ngày. Trong quá trình vay do gặp rủi ro chị không vay được ngân hàng và trả không đúng hẹn, nhưng một hai tháng sau chị vẫn trả lãi nhưng không đủ. Ngày 02/3/2023 anh U (chồng chị H) có điện cho chị nói là giờ lãi của chị lên chị chưa có, chị viết lại cho em một giấy khác như mẫu em gửi qua zalo, chị viết tổng nợ là 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu) còn giấy kia gửi em lại chị, nên chị đồng ý làm theo mẫu. Tuy nhiên vì điều kiện công việc chị không xuống lấy lại giấy viết và yêu cầu chị H hủy giấy vay cũ đi dẫn đến chị H mới có hai giấy vay nợ trên. Quá trình vay chị vẫn thi thoảng chuyển tiền cho chị H nhưng không nhiều.

Từ những trình bày trên chị chỉ đồng ý nhận vay số tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu) chứ không phải hai giấy như chị H trong đơn khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có giao nộp cho Toà án hai bản gốc giấy vay tiền ngày ngày 02/12/2022 và ngày 02/3/2023 có chữ ký và chữ viết của chị Lê Thị NL.

* Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đề nghị Tòa án buộc chị Lê Thị NL phải trả số tiền gốc đã vay là 109.000.000đ *(Một trăm lẻ chín triệu đồng)* theo hai giấy vay tiền ngày 02/12/2022 và ngày 02/3/2023, chị không yêu cầu chị L phải trả lãi đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị NL, cư trú tại Khu phố Ngọc Sơn, xã NL, tỉnh Thanh Hoá trả số tiền nợ đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị L theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị L theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Chị Lê Thị NL đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng chị L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ chị L lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị L không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về nội dung: Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng kèm theo chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Lê Thị NL trả cho chị số tiền 109.000.000đ *(Một trăm lẻ chín triệu đồng)* đây là số tiền mà chị đã cho chị Lê Thị NL vay để làm thủ tục đảo hạn ngân hàng, tuy nhiên sau khi vay tiền đến hạn trả nợ nhưng chị L không trả cho chị H như đúng hẹn mà chỉ khất nợ, hứa hẹn nhiều lần cố ý không trả lại cho chị H số tiền đã vay, chị H đã giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gốc để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cở sở, đồng thời quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, chị yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị NL phải trả cho chị số tiền của cả hai lần vay là 109.000.000đ *(Một trăm lẻ chín triệu đồng)* ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

[4] Xét, tài liệu chứng cứ mà chị Nguyễn Thị H giao nộp kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án: Giấy vay tiền ngày 02/12/2022 thể hiện nội dung chị Lê Thị NL có mượn của chị Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* mục đích vay đảo hạn ngân hàng, các bên thỏa thuận thời gian vay từ ngày 02/12/2022 đến ngày 25/12/2022. Giấy vay tiền thể hiện đầy đủ nội dung có chữ ký, chữ viết của chị Lê Thị NL. Giấy viết ngày 02/03/2023 thể hiện nội dung chị Lê Thị NL có mượn (vay) của chị Nguyễn Thị H số tiền 59.000.000đ *(Năm mươi chín triệu đồng)* mục đích vay đảo hạn ngân hàng, tài sản để lại làm tin là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hồng N và Lê Thị NL. Các bên thỏa thuận thời gian vay từ ngày 02/3/2023 đến ngày 02/5/2023 và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nội dung vay tiền trên. Giấy vay tiền thể hiện đầy đủ nội dung có chữ ký, chữ viết của chị Lê Thị NL.

[5] Xét lời khai của chị Lê Thị NL: Tại bản tự khai nộp cho Tòa án chị L thừa nhận có vay của chị Nguyễn Thị H số tiền 59.000.000đ *(Năm mươi chín triệu đồng)*. Đối với giấy vay nợ ngày 02/3/2022 chị Lê Thị NL cho rằng số tiền vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là số tiền nợ trước đó nhưng sau khi chị không trả lãi đầy đủ nên chị H đã tính gộp cả vào là 59.000.000đ theo giấy vay nợ mới ngày 02/3/2023. Chị không thừa nhận giấy vay nợ cũ ngày 02/3/2022 vì chị đã tin tưởng yêu cầu chị H hủy đi nhưng chị không hủy.

Quá trình vay do khó khăn về kinh tế nên chị L không trả nợ đúng như thời gian đã cam kết với chị H được, chị thống nhất là chị có nhận vay của chị H số tiền

là 59.000.000đ *(năm mươi chín triệu đồng)* theo giấy vay tiền ngày 02/3/2023. Về lời khai nhận trên của chị L thấy rằng: Chị không thừa nhận giấy vay tiền ngày 02/3/2022 với số tiền vay là 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)* vì chị cho rằng nó đã được gộp vào giấy vay nợ ngày 02/3/2023, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị L không cung cấp tài liệu, chứng chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai trên của mình là có cơ sở, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L không đến để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải do Tòa án tiến hành để chị được trình bày, đưa ra tài liệu, chứng cứ bảo vệ quan điểm như lời khai của mình trình bày, Tòa án cũng đã triệu tập chị lần thứ hai đến phiên tòa nhưng chị L vẫn không chấp hành do đó Tòa án không có cở sở để xem xét tính hợp pháp của lời khai chị L, từ đó đủ cơ sở chứng minh chị L cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

[6] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, xét lời khai của chị Nguyễn Thị H và chị Lê Thị NL thấy rằng: Giấy vay tiền ngày 02/3/2022 và giấy vay tiền ngày 02/3/2023 có đầy đủ nội dung thể hiện ngày, tháng, năm vay tiền, họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú của bị đơn và có thể hiện rõ số tiền vay, có chữ ký, chữ viết của bị đơn là chị Lê Thị NL, lời khai của nguyên đơn và lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở kết luận; Hợp đồng vay tài sản ngày 02/3/2022 và ngày 02/3/2023 giữa chị Nguyễn Thị H và chị Lê Thị NL là đúng thực tế. Do đó, việc chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị NL phải trả tổng số tiền nợ đã vay là 109.000.000đ *(một trăm lẻ chín triệu đồng)* là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không yêu cầu chị Lê Thị NL phải trả lãi đối với số tiền đã vay, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Lê Thị NL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Buộc chị Lê Thị NL phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 109.000.000đ *(Một trăm lẻ chín triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Lê Thị NL phải chịu 5.450.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.725.000đ *(Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - TH) theo biên lai số: 0007556 ngày 26/3/2025.

3. Về quyền kháng cáo. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 10- TH;
- TAND tỉnh TH;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh TH ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Hùng **Bùi Trung Thành** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Thị Lê **Triệu Kim Bình** **Phạm Xuân Thành**